



013/2024/BCT/KNTP

3766/TTTTV-KHCN

019/2023/BYT-KNTP



Số: 04549/KQPT/2026/CS2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 06110626/CS2

Trang: 1/2

- Tên mẫu: Nước thải (Mẫu 1).
- Số lượng mẫu: 1,5 lít
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng phân tích thử nghiệm đi lấy mẫu. Cơ sở được lấy mẫu: Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Sông Hậu. Địa chỉ: xã Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí lấy mẫu: Thu tại mương quan trắc nước thải của nhà máy XLNT tập trung X: 1132878 Y: 565819
- Số biên bản lấy mẫu: 522/LMHT
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không ☒ Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 12/06/2026
- Ngày trả kết quả: 23/06/2026
- Thời gian thử nghiệm: 12/06/2026 đến ngày: 23/06/2026
- Khách hàng: **TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG**
- Địa chỉ: Số 84, Ngõ Gia Tự, Phường Trung An - Phường Trung An - Tỉnh Đồng Tháp
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 06 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Thoại

Số: 06110626/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu ôxy sinh hóa-BOD ₅ ^δ	SMEWW5210B:2023	mg/l	16,3
2	Nitơ tổng ^δ	TCVN 6638 : 2000	mg/l	3,92
3	Dầu mỡ khoáng ^δ	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	KPH (LOD=1,40)
4	Photpho tổng số (t/t P) ^δ	TCVN 6202 : 2008	mg/l	1,16
5	Clo dư ^{**}	TCVN 6225-3:2011	mg/l	KPH (LOD=0,3)
6	Coliform tổng số ^δ	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100ml	1,3 x 10 ¹

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts
- (γ): Chỉ tiêu được Bộ Y tế chỉ định (19/2023/BYT-KNTP).
- (α): Chỉ tiêu được Bộ Công thương chỉ định (013/2024/BCT-KNTP)
- (Δ): Chỉ tiêu được chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón.
- (**): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

TRƯỞNG PHÒNG



Võ Thị Bích Trân